

Biviantac Chew  
(3v x 10v)



**Reliv**  **Biviantac** **CHEW**  
**Kháng acid** 

Wen nên nhai - Hương Chanh Thuốc uống | Hộp 3 vỉ x 10 viên

SBN/Visac:  
Số lô SX/Lot No.:  
NSX/Mfd:  
HD/Exp:

**THÀNH PHẦN:** Dried aluminium hydroxide gel 400 mg (tương đương 306 mg aluminum hydroxide tương đương aluminium oxide 200 mg), magnesium hydroxide 400 mg, simethicone powder 61,54 mg (tương đương 40 mg simethicone) và tá dược vừa đủ 1 viên.

**CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:**  
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

**BẢO QUẢN:** Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

**TIÊU CHUẨN:** TCCS.

**ĐỂ XA TÁM TAY TRẺ EM.**  
**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.**

**Reliv**  **CHEW** **WHO-GMP**

Cơ sở sản xuất:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV**  
Khu A, số 18, đường Lê Thị Sóc, ấp 2A, xã Tân Thành Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



**Reliv**  **Biviantac** **CHEW**  
**Antacid** 

Chewable tablet - Lemon flavor Oral route | Box of 3 blisters x 10 tablets

**COMPOSITION:** Dried aluminum hydroxide gel 400 mg (equivalent to aluminum hydroxide 306 mg or aluminum oxide 200 mg), magnesium hydroxide 400 mg, simethicone (equivalent to simethicone powder 60-70%) 40 mg and excipients q.s for 1 tablet.

**INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION:** Refer to package insert.

**STORAGE:** In dry place, temperature not exceeding 30°C, protected from light and humidity.

**SPECIFICATION:** In-house.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.**  
**READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.**

**Reliv**  **CHEW** **WHO-GMP**

Manufacturer:  
**RELIV PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**  
Zone A, N° 18, Le Thi Soc street, hamlet 2A, Tan Thanh Tay commune, Cu Chi district, Ho Chi Minh city, Vietnam.



Biviantac Chew  
(4v x 10v)



Reliv CHEW  
**Biviantac**  
Kháng acid



Viên nén nhai - Hương Chanh

Thuốc uống | Hộp 4 vỉ x 10 viên

SĐK/VĐSK:  
Số lô SX/Lot No.:  
NSX/MEI:  
HĐ/Exp:

**THÀNH PHẦN:** Dried aluminium hydroxide gel 400 mg (tương đương 306 mg aluminium hydroxide tương đương aluminium oxide 200 mg), magnesium hydroxide 400 mg, simethicone powder 61,54 mg (tương đương 40 mg simethicone) và tá dược vừa đủ 1 viên.

**CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:**  
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

**BẢO QUẢN:** Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.  
**TIÊU CHUẨN:** TCCS.

**ĐỂ XA TÁM TAY TRẺ EM.**  
**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.**

Reliv CHEW  
Cơ sở sản xuất:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV**  
Khu A, số 18, đường Lê Thị Soc, ấp 2A, xã Tân Thành Tây,  
huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



Reliv CHEW  
**Biviantac**  
Antacid



Chewable tablet - Lemon flavor

Oral route | Box of 4 blisters x 10 tablets

**COMPOSITION:** Dried aluminum hydroxide gel 400 mg (equivalent to aluminum hydroxide 306 mg or aluminum oxide 200 mg), magnesium hydroxide 400 mg, simethicone (equivalent to simethicone powder 60-70%) 40 mg and excipients qs for 1 tablet.

**INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION:** Refer to package insert.

**STORAGE:** In dry place, temperature not exceeding 30°C, protected from light and humidity.

**SPECIFICATION:** In-house.  
**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.**  
**READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.**

Reliv CHEW  
Manufacturer:  
**RELIV PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**  
Zone A, N° 18, Le Thi Soc street, hamlet 2A, Tan Thanh Tay  
commune, Cu Chi district, Ho Chi Minh city, Vietnam.



Biviantac Chew  
(5x 10)



**Reliv** **CHIEW**  
**Biviantac**  
Kháng acid

Viên nhai • Hương Chanh

Thuốc uống | Hộp 5 vỉ x 10 viên

**S&M Visa:**  
**Số M SX/Lot No.:**  
**MSY/ĐM:**  
**HD/Exp:**

**THÀNH PHẦN:** Dried aluminium hydroxide gel 400 mg (tương đương 306 mg aluminum hydroxide tương đương aluminium oxide 200 mg), magnesium hydroxide 400 mg, simethicone powder 61,54 mg (tương đương 40 mg simethicone) và tá dược vừa đủ 1 viên.

**CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:**  
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

**BẢO QUẢN:** Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.  
**TIÊU CHUẨN:** TCCS.

**ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM.**  
**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.**

**Reliv**

Cơ sở sản xuất:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV**  
Khu A, số 18, đường Lê Thị Sóc, ấp 2A, xã Tân Thành Tây,  
huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**WHO-GMP**



**Reliv** **CHIEW**  
**Biviantac**  
Antacid

Chewable tablet • Lemon flavor

Oral route | Box of 5 blisters x 10 tablets

**COMPOSITION:** Dried aluminum hydroxide gel 400 mg (equivalent to aluminum hydroxide 306 mg or aluminum oxide 200 mg), magnesium hydroxide 400 mg, simethicone (equivalent to simethicone powder 60-70%) 40 mg and excipients q.s for 1 tablet.

**INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION:** Refer to package insert.

**STORAGE:** In dry place, temperature not exceeding 30°C, protected from light and humidity.

**SPECIFICATION:** In-house.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.**  
**READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.**

**Reliv**

Manufacturer:  
**RELIV PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**  
Zone A, N° 18, Le Thi Soc street, hamlet 2A, Tan Thanh Tay  
commune, Cu Chi district, Ho Chi Minh city, Vietnam.

**WHO-GMP**





Biviantac Chew (40v)

**THÀNH PHẦN:**

Dried aluminium hydroxide gel 400 mg (tương đương 306 mg aluminum hydroxide tương đương aluminium oxide 200 mg), magnesium hydroxyde 400 mg, simethicone powder 61,54 mg (tương đương 40 mg simethicone) và tá dược vừa đủ 1 viên.  
**CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

**BẢO QUẢN:** Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

**TIÊU CHUẨN:** TCCS.

**ĐỂ XA TẤM TAY TRẼ EM.**

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.**



WHO-GMP

Cơ sở sản xuất: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV**  
Khu A, số 18, đường Lê Thị Soc, ấp 2A, xã Tân Thành Tây, huyện Cú Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



Viên nén nhai • Hương Chanh

Thuốc uống | Hộp 1 chai 40 viên

**COMPOSITION:**

Dried aluminum hydroxide gel 400 mg (equivalent to aluminum hydroxide 306 mg or aluminum oxide 200 mg), magnesium hydroxide 400 mg, simethicone (equivalent to simethicone powder 60-70%) 40 mg and excipients q.s for 1 tablet.

**INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION:** Refer to package insert.

**STORAGE:** In dry place, temperature not exceeding 30°C, protected from light and humidity.

**SPECIFICATION:** In-house.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.**

**READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.**



WHO-GMP

Manufacturer: **RELIV PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**  
Zone A, N° 18, Le Thi Soc street, hamlet 2A, Tan Thanh Tay commune, Cu Chi district, Ho Chi Minh city, Vietnam.



Chewable tablet • Lemon flavor

Oral route | Box of 1 bottle of 40 tablets

**SĐK/Visa:**

Số lô SX/Lot No.:

NSX/Mfd:

HD/Exp:

**THÀNH PHẦN:**

Dried aluminium hydroxide gel 400 mg (tương đương 306 mg aluminum hydroxide tương đương aluminium oxide 200 mg), magnesium hydroxyde 400 mg, simethicone powder 61,54 mg (tương đương 40 mg simethicone) và tá dược vừa đủ 1 viên.

**CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:** Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

**BẢO QUẢN:** Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng và ẩm.

**TIÊU CHUẨN:** TCCS.

**ĐỂ XA TẤM TAY TRẼ EM.**

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.**



WHO-GMP

Cơ sở sản xuất: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV**  
Khu A, số 18, đường Lê Thị Soc, ấp 2A, xã Tân Thành Tây, huyện Cú Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



Viên nén nhai • Hương Chanh

Thuốc uống | Hộp 1 chai 40 viên

**COMPOSITION:**

Dried aluminum hydroxide gel 400 mg (equivalent to aluminum hydroxide 306 mg or aluminum oxide 200 mg), magnesium hydroxide 400 mg, simethicone (equivalent to simethicone powder 60-70%) 40 mg and excipients q.s for 1 tablet.

**INDICATIONS, ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND FURTHER INFORMATION:** Refer to package insert.

**STORAGE:** In dry place, temperature not exceeding 30°C, protected from light and humidity.

**SPECIFICATION:** In-house.

**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.**

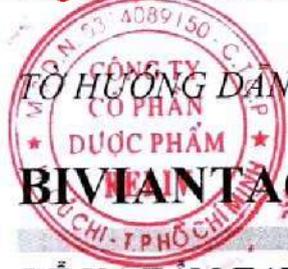
**READ PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.**

Số lô SX/Lot No.:  
HD/Exp:

WHO-GMP

Manufacturer: **RELIV PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**  
Zone A, N° 18, Le Thi Soc street, hamlet 2A, Tan Thanh Tay commune, Cu Chi district, Ho Chi Minh city, Vietnam.





TÒ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

**BIVIANTAC CHEW**

Viên nén nhai

**ĐỂ XA TÁM TAY TRẺ EM.**

**ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.**

**THÀNH PHẦN:** Cho 1 viên

*Thành phần hoạt chất:*

Dried aluminum hydroxide gel: 400 mg

(tương đương 306 mg aluminum hydroxide, tương đương 200 mg aluminum oxide)

Magnesium hydroxide: 400 mg

Simethicone powder: 61,54 mg

(tương đương 40 mg simethicone)

*Thành phần tá dược:* Povidone K30, aspartame, lactose monohydrate, lemon flavor powder, magnesium stearate.

**DẠNG BÀO CHẾ:** Viên nén nhai (viên nén tròn màu trắng đến trắng ngà, một mặt có vạch ngang, một mặt trơn).

### CHỈ ĐỊNH

Điều trị triệu chứng các trường hợp do tăng tiết acid quá mức như khó tiêu, ợ nóng, trướng bụng, đầy hơi và các rối loạn thường gặp trong bệnh lý loét dạ dày tá tràng, thực quản.

### LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

#### Liều lượng

- Người lớn (bao gồm người cao tuổi) và trẻ em > 12 tuổi: 1 - 2 viên, 3 - 4 lần mỗi ngày, dùng từ 20 phút đến 1 giờ sau các bữa ăn và trước khi đi ngủ hoặc khi có cơn đau. Tối đa không quá 12 viên một ngày.

- Trẻ em dưới 12 tuổi: Không nên dùng hoặc hỏi ý kiến của bác sĩ.

**Cách dùng:** Thuốc dùng để nhai, nhai kỹ viên thuốc trước khi nuốt.

### CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.
- Người bị suy nhược nặng, suy thận, tăng magensi máu, giảm phosphat máu.
- Trẻ nhỏ vì nguy cơ nhiễm độc nhôm, đặc biệt là trẻ em mất nước/suy thận.

### CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Không nên dùng liều tối đa quá 2 tuần mà chưa có ý kiến của bác sĩ.
- Aluminum hydroxide có thể gây táo bón và dùng quá liều các muối magensi có thể gây giảm nhu động ruột, dùng liều cao sản phẩm này có thể gây ra hoặc làm nặng thêm sự tắc ruột ở những bệnh nhân có nguy cơ cao như những người bị suy thận, hoặc người cao tuổi.
- Ở bệnh nhân có chức năng thận bình thường aluminum hydroxide ít được hấp thu qua đường tiêu hóa nên tác dụng toàn thân là không đáng kể. Tuy nhiên, sử dụng lâu dài liều cao hoặc thậm chí liều bình thường ở bệnh nhân có chế độ ăn ít phospho, có thể dẫn đến sự suy giảm phosphat (do



gắn kết nhôm – phosphat) đi kèm với tăng tiêu xương và tăng calci niệu có nguy cơ bị nhuyễn xương. Các bệnh nhân có nguy cơ giảm phosphat dùng thuốc dài hạn cần hỏi ý kiến của bác sĩ.

- Ở các bệnh nhân bị suy thận, nồng độ trong huyết tương của nhôm và maggesi thường tăng cao. Ở những người này sự tiếp xúc với liều cao các muối nhôm và maggesi có thể dẫn đến sa sút trí tuệ, thiếu máu hồng cầu nhỏ.

- Aluminum hydroxide có thể không an toàn ở bệnh nhân bị rối loạn chuyển hóa porphyria đang thâm phân máu.

- Do thuốc có chứa tá dược lactose monohydrat cần thận trọng cho bệnh nhân có các vấn đề về di truyền hiếm gặp không dung nạp fructose, giảm hấp thu glucose-galactose hoặc thiếu sucrose-isomaltase không nên dùng thuốc này.

- Aspartame: Do thuốc có chứa aspartame, là nguồn phenylalanin có thể có hại cho người bị phenylketon niệu.

## **SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ**

### ***Phụ nữ có thai***

- Tính an toàn của thuốc khi sử dụng cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai chưa được thiết lập.

- Do sự hấp thụ của người mẹ rất hạn chế nên khi sử dụng ở liều khuyến cáo, có rất ít lượng muối aluminum hydroxide và muối maggesi kết hợp được bài tiết vào sữa mẹ.

- Simethicone không được hấp thụ qua đường tiêu hóa.

### ***Phụ nữ cho con bú***

- Thuốc không gây ảnh hưởng gì đối với trẻ sơ sinh / trẻ em bú mẹ vì sự tiếp xúc toàn thân của phụ nữ cho con bú với aluminum hydroxide, magnesium hydroxide và simethicone là không đáng kể.

## **ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC**

Chưa có báo cáo về ảnh hưởng của thuốc đến khả năng lái xe, vận hành máy móc.

## **TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC**

### ***Tương tác của thuốc***

- Không nên dùng Biviantac Chew đồng thời với các thuốc khác vì chúng có thể gây trở ngại cho sự hấp thụ của các thuốc khác nếu dùng trong vòng 1 giờ.

- Các thuốc kháng acid có chứa nhôm có thể cản trở sự hấp thụ thích đáng của các thuốc như các tetracyclin, các vitamin, ciprofloxacin, ketoconazol, hydroxychloroquin, chloroquin, chlorpromazin, rifampicin, cefdinir, cefpodoxim, levothyroxin, rosuvastatin.

- Levothyroxin cũng có thể gắn kết với simethicon làm chậm hoặc giảm sự hấp thụ levothyroxin.

- Polystyren sulphonat: Cần thận trọng khi sử dụng cùng lúc với polystyren sulphonat do có tiềm năng nguy cơ làm giảm hiệu quả của resin gắn kết với kali trong sự chuyển hóa kiềm ở các bệnh nhân suy thận (báo cáo với aluminum hydroxide và magnesium hydroxide) và tắc nghẽn ruột (báo cáo với aluminum hydroxide).

- Aluminum hydroxide và các citrat có thể làm tăng nồng độ nhôm, đặc biệt ở bệnh nhân suy thận.

- Sự kiềm hóa nước tiểu do dùng magnesium hydroxide có thể làm thay đổi sự đào thải một số thuốc; do đó, đã thấy có sự tăng thải trừ các salicylat.

### ***Tương kỵ của thuốc***

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.



## TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Các tác dụng không mong muốn sắp xếp theo phân loại và tần suất được liệt kê trong bảng sau:

Phân loại rối loạn	Ít gặp ( $\geq 1/1000 - < 1/100$ )	Rất hiếm gặp ( $< 1/10000$ )	Tần suất chưa rõ
Hệ miễn dịch			Phản ứng quá mẫn, như ngứa ngáy, nổi mề đay, phù mạch và phản ứng phản vệ.
Chuyển hóa và dinh dưỡng		Tăng magnesi huyết (thấy ở các bệnh nhân suy thận dùng magnesi hydroxyd kéo dài).	Tăng lượng nhôm trong máu. Hạ phosphat huyết, khi sử dụng kéo dài hoặc ở liều cao hoặc thậm chí liều bình thường ở các bệnh nhân có chế độ ăn phospho thấp, điều này có thể dẫn đến tăng tiêu xương, tăng calci niệu, nhuyễn xương.
Đường tiêu hóa	Tiêu chảy hoặc táo bón.		Đau bụng.

**THÔNG BÁO NGAY CHO BÁC SĨ HOẶC DƯỢC SĨ NHỮNG PHẢN ỨNG CÓ HẠI GẤP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC**

## QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

### Quá liều

Khi quá liều, ít xảy ra các triệu chứng nghiêm trọng các triệu chứng quá liều được báo cáo bao gồm tiêu chảy, đau bụng, nôn mửa. Liều cao có thể gây hoặc làm trầm trọng thêm sự tắc ruột và tắc hồi tràng ở các bệnh nhân có nguy cơ.

### Cách xử trí

Aluminum và magnesi được bài tiết qua đường tiêu; điều trị quá liều cấp tính bao gồm việc dùng calci gluconat tiêm tĩnh mạch, bù nước và làm lợi tiểu. Trong trường hợp suy thận, cần thăm tách máu hoặc thăm phân phúc mạc.

## ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

Mã ATC: A02A F02. Nhóm thuốc: Thuốc kháng acid kết hợp chất chống đầy hơi

Biviantac Chew là sản phẩm kết hợp hài hòa giữa 2 chất kháng acid và một chất chống đầy hơi simethicone. Hai chất kháng acid gồm magnesium hydroxide có tác dụng nhanh và aluminum hydroxide có tác dụng chậm. Sự kết hợp làm cho sản phẩm có tác dụng nhanh chóng và kéo dài thời gian đệm. Aluminum hydroxide bản chất là một chất làm se có thể gây táo bón. Tác dụng này được cân bằng bởi magnesium hydroxide thường có tác dụng gây tiêu chảy.

## ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Aluminum hydroxide: Khi uống, aluminum hydroxide phản ứng chậm với acid hydrochloric dạ dày để tạo thành aluminum clorid hòa tan, một số nhỏ được hấp thu vào cơ thể. Các thức ăn trong dạ dày làm cho thuốc ra khỏi dạ dày chậm hơn khi không có thức ăn nên kéo dài phản ứng của aluminum hydroxide với acid hydrochloric dạ dày và làm tăng lượng aluminum clorid. Khoảng 17 – 30% aluminum clorid tạo thành được hấp thu và đào thải rất nhanh qua thận ở người có chức năng

thận bình thường. Ở ruột non, aluminum clorid chuyển nhanh thành muối nhôm kiềm không hòa tan, kém hấp thu. Có thể là một hỗn hợp aluminum hydroxide, oxyaluminum hydroxide, các loại aluminum carbonat kiềm và các xà phòng aluminum. Aluminum hydroxide cũng phối hợp với phosphat trong thức ăn ở ruột non để tạo thành aluminum phosphat không hòa tan, không hấp thu và bị đào thải vào phân. Nếu phosphat thức ăn được đưa vào cơ thể ít ở người có chức năng thận bình thường thì aluminum hydroxide sẽ làm giảm hấp thu phosphat và gây giảm phosphat máu và giảm phosphat niệu và hấp thu calci tăng lên. In vitro, nhôm hydroxyd gắn với muối mật tương tự như cholestyramin và ít hòa tan trong dịch vị để giải phóng anion làm trung hòa một phần acid dịch vị. Aluminum hấp thu được đào thải qua nước tiểu. Do đó người bệnh bị suy thận có nguy cơ tích lũy aluminum (đặc biệt trong xương và hệ thần kinh trung ương) và nhiễm độc aluminum. Aluminum hấp thu sẽ gắn vào protein huyết thanh (như albumin, transferin) và do đó khó được loại bỏ bằng thẩm phân.

- Magnesium hydroxide: Thuốc bắt đầu tác dụng ngay khi đói, thuốc tác dụng kéo dài trong khoảng  $30 \pm 10$  phút. Nếu uống thuốc vào bữa ăn, hoặc trong vòng 1 giờ sau khi ăn, tác dụng kéo dài trong khoảng 1 - 3 giờ. Khoảng 30 phút, magnesi được hấp thu. Magnesi ít hòa tan trong nước, hấp thu kém so với natri carbonat nên không sợ gây ra nhiễm kiềm. Ở người có chức năng thận bình thường, tích lũy một lượng khiêm tốn magnesi không thành vấn đề, nhưng ở người có suy thận, cần phải thận trọng (làm tăng magnesi huyết). Do làm thay đổi pH dịch vị và nước tiểu, thuốc có thể làm thay đổi tốc độ hòa tan và hấp thu, sinh khả dụng và đào thải qua thận của một số thuốc, muối magnesi còn có khuynh hướng hấp phụ thuốc và tạo ra một phức hợp không hòa tan nên không được hấp thu vào cơ thể. Magnesi đào thải qua thận khi chức năng thận bình thường, phần không được hấp thu thải qua phân.

- Simethicone: Simethicone có tính trơ về mặt sinh lý. Sau khi uống, thuốc không hấp thu qua đường tiêu hóa, cũng không cản trở bài tiết acid dạ dày hoặc hấp thu các chất dinh dưỡng. Simethicone được thải trừ dưới dạng không đổi trong phân.

### QUI CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 3 vi, 4 vi, 5 vi x 10 viên.

Hộp 1 chai x 40 viên

**BẢO QUẢN:** Nơi khô, nhiệt độ không quá  $30^{\circ}\text{C}$ , tránh ánh sáng và ẩm.

**HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**TIÊU CHUẨN:** TCCS

**CƠ SỞ SẢN XUẤT:**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV**

**Địa chỉ:** Khu A, số 18, đường Lê Thị Sọc, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.